

Bản án số: 143/2025/DS-ST
Ngày 28 - 5 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hoàng

Ông Nguyễn Minh Trọn

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:**
Ông Đoàn Chí Nguyễn – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 685/2024/TLST - DS ngày 30 tháng 12 năm 2024 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2025/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần P2. Địa chỉ: Tòa nhà T, số A T, phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Ông Đỗ Đình B, sinh năm 1978 – Chuyên viên chính thu hồi nợ (vắng mặt).
- Bà Nguyễn Diễm P, sinh năm 1996 – Chuyên viên thu hồi nợ (có mặt).
- Ông Lý Hùng A, sinh năm 1986 – Chuyên viên Cao cấp thu hồi nợ (vắng mặt).

Cùng địa chỉ liên hệ: Số A, đường N, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.
(Theo văn bản ủy quyền ngày 17/12/2024).

- **Bị đơn:**

- Ông Dương Văn P1, sinh năm 1974 (vắng mặt).
- Bà Tiết Thị L, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 30/8/2024 Ngân hàng Thương mại cổ phần P2 (viết tắt là Ngân hàng) và bên vay ông P1, bà L sau quá trình thỏa thuận đã ký hợp đồng tín dụng số SPTC 24008130/2024/CCM/HĐTD và khế ước nhận nợ số SPTC 24008130.01/2024/CCM/HĐTD cụ thể:

Số tiền vay: 2.040.000.000 đồng, thời hạn vay 05 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên, ngày đến hạn trả nợ cuối cùng ngày 30/01/2025, lãi suất vay: 7.9%/năm, cố định trong suốt thời gian vay, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn, mục đích vay: Vay kinh doanh cửa hàng bách hóa tổng hợp, trả nợ gốc: cuối kỳ, trả nợ lãi: Bên vay trả tiền lãi vay cho Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25 của tháng theo dư nợ thực tế, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 25/9/2024.

Quá trình thanh toán, ông P1, bà L không thanh toán nợ gốc, trả lãi: 25.261.799 đồng, hiện còn nợ gốc: 2.040.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 42.292.940 đồng, nợ lãi quá hạn: 79.730.824 đồng.

Ngày 08/7/2022 Ngân hàng Thương mại cổ phần P2 và bên vay ông P1, bà L sau quá trình thỏa thuận đã ký kết giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số 0520/2022/TTD-CM với hạn mức sử dụng là 90.000.000 đồng. Quá trình giao dịch ông P1, bà L còn nợ số tiền gốc là 84.872.851 đồng trong đó nợ gốc: 68.396.194 đồng, nợ lãi 16.476.621 đồng.

Tổng số tiền ông P1, bà L còn nợ tính đến ngày 28/5/2025 là 2.246.896.579 đồng.

Để đảm bảo cho tất cả các khoản vay, tất cả cam kết tín dụng khác và mọi nghĩa vụ tài chính của bà L, ông P1 với Ngân hàng thì bà L, ông P1 có thỏa thuận ký hợp đồng thế chấp số: 0366/2022/BĐ ngày 26/5/2022 để thế chấp tài sản bảo đảm cho các khoản vay của bà L, ông P1, tài sản cụ thể:

Bất động sản tại thửa số 629, tờ bản đồ số 8, diện tích 320,6m² tọa lạc ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CN 992230, sổ vào sổ GCN: CH00382 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 24/10/2018 (ghi nhận hoàn thành nghĩa vụ tài chính đến ngày 30/10/2019).

Quá trình thực hiện hợp đồng ông P1, bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận của hợp đồng đã ký, Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ làm việc nhưng ông P1, bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông P1, bà L trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 28/5/2025 là 2.246.896.579 đồng và các khoản lãi, chi phí phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 29/5/2025 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

Trường hợp ông P1, bà L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Tòa án xem xét xử lý tài sản để Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản đảm bảo để thế chấp để thu hồi nợ.

Tại bản tự khai ngày 25/02/2025 bà L trình bày:

Bà đồng ý số nợ vay là 2.040.000.000 đồng và thẻ là 72.000.000 đồng và tiền nợ lãi 04 tháng, tổng số tiền nợ là 2.135.897.100 đồng.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 27/3/2025 ông P1 trình bày:

Ông và bà L là vợ chồng, ông bà có vay tiền Ngân hàng Thương mại cổ phần P2, mở thẻ ghi nợ 90.000.000 đồng ngày 08/7/2022 và vay vốn kinh doanh 2.040.000.000 đồng ngày 30/8/2024, ông đồng ý trả cho Ngân hàng nhưng hiện không có tiền, đang đợi xử lý tài sản thế chấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về án phí: Bị đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Theo hợp đồng tín dụng số SPTC 24008130/2024/CCM/HĐTD và khế ước nhận nợ số SPTC 24008130.01/2024/CCM/HĐTD thể hiện: Bị đơn có vay vốn tại Ngân hàng với số tiền: 2.040.000.000 đồng, lãi suất vay: 7.9%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn, mục đích vay: Vay kinh doanh cửa hàng bách hóa tổng hợp.

[3.2] Theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số 0520/2022/TTD-CM ngày 08/7/2022 thì bị đơn mở thẻ ghi nợ tại Ngân hàng với hạn mức tín dụng là 90.000.000 đồng.

Xét thấy các hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với bị đơn được ký kết trên tinh thần tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật, các đương sự không có tranh chấp về các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng nên các đương sự cùng có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng.

Theo đại diện nguyên đơn xác định, đối với hợp đồng tín dụng bị đơn không thanh toán gốc, chỉ trả lãi 25.261.799 đồng, tính ngày 28/5/2025 bị đơn còn nợ gốc: 2.040.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 42.292.940 đồng, nợ lãi quá hạn: 79.730.824 đồng, tổng nợ là 2.162.023.764 đồng; đối với thẻ tín dụng bị đơn còn

nợ gốc là 68.396.194 đồng, nợ lãi là 16.476.621 đồng, tổng 84.872.815 đồng. Tổng số tiền nợ là 2.246.896.579 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn thống nhất yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thống nhất số tiền gốc và lãi còn nợ Ngân hàng, đây là sự kiện, tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ 2.246.896.579 đồng cho Ngân hàng là có căn cứ, được chấp nhận.

[3.3] Xét yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ của Ngân hàng, thấy rằng:

Để đảm bảo khoản vay, bị đơn có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa số 629, tờ bản đồ số 8, diện tích 320,6m² tọa lạc ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CN 992230, sổ vào sổ GCN: CH00382 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 24/10/2018 do bà Tiết Thị L đứng tên theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0366/2022/BĐ ngày 26/5/2022.

Xét thấy việc các bên xác lập hợp đồng thế chấp trên tinh thần tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định nên được công nhận và bảo vệ. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp là phù hợp và đúng quy định.

[3.4] Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến ngày trả hết nợ theo hợp đồng tín dụng. Xét thấy: Yêu cầu của Ngân hàng phù hợp theo Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao nên được chấp nhận.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu 76.937.931 đồng.

- Nguyên đơn không phải chịu nên được nhận lại toàn bộ số tiền đã dự nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 100, Điều 103 của Luật Các Tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần P2. Buộc ông Dương Văn P1 và bà Tiết Thị L liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P2 số tiền: 2.246.896.579 đồng (Hai tỷ hai trăm bốn mươi sáu triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi chín đồng).

2. Trường hợp ông P1, bà L không trả nợ hoặc trả không đủ số tiền còn nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần P2 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/5/2025) khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ngân hàng Thương mại cổ phần P2 không phải chịu, hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P2 37.359.000 đồng (Ba mươi bảy triệu ba trăm năm mươi chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003710 ngày 30/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

- Ông Dương Văn P1 và bà Tiết Thị L phải chịu 76.937.931 đồng (Bảy mươi sáu triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn chín trăm ba mươi một đồng), chưa nộp.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Dũng Liêm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hoàng

Nguyễn Minh Trọn

Hồ Dũng Liêm

